

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	2	Toán (Phượng)	Lịch Sử (Hương)	Vật Lý (Dũng)	Sinh Học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Trang)	GDKT&PL (Vũ)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	Tiếng Anh (Dung)
	3	Toán (Phượng)	Lịch Sử (Hương)	Vật Lý (Dũng)	Địa Lí (Vĩnh)	Tiếng Anh (Trang)	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vũ)	Tiếng Anh (Dung)	Sinh Học (Đức)	Địa Lí (Thảo)
	4	Tiếng Anh (Trang)	Sinh Học (Ngát)	GDKT&PL (Vũ)	Địa Lí (Vĩnh)	GDQP (Hiếu)	GDTC (Tâm)	Lịch Sử (Hương)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Dung)	Lịch Sử (Huệ)
	5										
Thứ 3	1	Tiếng Anh (Trang)	GDKT&PL (Vũ)	Lịch Sử (Hương)	Toán (Mạnh)	Lịch Sử (Huệ)	Vật Lý (Dũng)	Hóa Học (Sếnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Dung)	Sinh Học (Đức)
	2	Tiếng Anh (Trang)	Hóa Học (Nga)	Lịch Sử (Hương)	Toán (Mạnh)	Lịch Sử (Huệ)	Vật Lý (Dũng)	GDQP (Hiếu)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Thảo)
	3	Hóa Học (Nga)	Toán (Thư)	Hóa Học (Sếnh)	Sinh Học (Đức)	GDTC (Tâm)	Lịch Sử (Huệ)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Dung)	GDKT&PL (Vũ)	GDQP (Hiếu)
	4	Hóa Học (Nga)	Toán (Thư)	Lịch Sử (Hương)	Hóa Học (Sếnh)	GDTC (Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Trang)	Tiếng Anh (Dung)	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vũ)
	5										
Thứ 4	1	Địa Lí (Chính)	Tiếng Anh (Dung)	GDKT&PL (Vũ)	Vật Lý (Dũng)	Toán (Mạnh)	GDTC (Tâm)	Địa Lí (Vĩnh)	Sinh Học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)	GDQP (Hiếu)
	2	Địa Lí (Chính)	Sinh Học (Ngát)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	GDQP (Hiếu)	Địa Lí (Vĩnh)	Vật Lý (Dũng)	Ngữ Văn (Quân)	GDKT&PL (Vũ)
	3	Hóa Học (Nga)	Địa Lí (Thảo)	Toán (Phượng)	Tiếng Anh (Trang)	GDTC (Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	Lịch Sử (Hương)	Địa Lí (Vĩnh)	GDTC (Nhạ)	Ngữ Văn (Quân)
	4	Sinh Học (Ngát)	Địa Lí (Thảo)	Toán (Phượng)	Tiếng Anh (Trang)	GDTC (Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	GDQP (Hiếu)	Hóa Học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh Học (Đức)
	5										
Thứ 5	1	Ngữ Văn (Quân)	GDKT&PL (Vũ)	Tiếng Anh (Dung)	Lịch Sử (Hương)	Tiếng Anh (Trang)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Sinh Học (Ngát)	Địa Lí (Chính)	Sinh Học (Đức)
	2	Ngữ Văn (Quân)	Hóa Học (Nga)	Tiếng Anh (Dung)	Lịch Sử (Hương)	Tiếng Anh (Trang)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Phượng)	Địa Lí (Chính)	GDQP (Hiếu)
	3	Sinh Học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)	Địa Lí (Thảo)	Vật Lý (Dũng)	Địa Lí (Vĩnh)	Tiếng Anh (Trang)	Sinh Học (Đức)	Toán (Phượng)	GDKT&PL (Vũ)	Tiếng Anh (Dung)
	4	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN
	5										
Thứ 6	1	Sinh Học (Ngát)	GDQP (Hiếu)	Ngữ Văn (Quân)	Vật Lý (Dũng)	GDKT&PL (Vũ)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Mạnh)	Lịch Sử (Hương)	Sinh Học (Đức)	Lịch Sử (Huệ)
	2	GDQP (Hiếu)	Hóa Học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng Anh (Trang)	GDKT&PL (Vũ)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Mạnh)	Lịch Sử (Hương)	Sinh Học (Đức)	Lịch Sử (Huệ)
	3	Lịch Sử (Hương)	Ngữ Văn (Quân)	GDKT&PL (Vũ)	Hóa Học (Sếnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Trang)	Sinh Học (Đức)	Địa Lí (Vĩnh)	GDTC (Nhạ)	Toán (Phượng)
	4	Ngữ Văn (Quân)	GDKT&PL (Vũ)	Hóa Học (Sếnh)	Địa Lí (Vĩnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Trang)	GDTC (Tâm)	Vật Lý (Dũng)	Sinh Học (Đức)	Toán (Phượng)
	5										
Thứ 7	1	Lịch Sử (Hương)	Ngữ Văn (Quân)	Hóa Học (Sếnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	Tiếng Anh (Trang)	Hóa Học (Nga)	Toán (Mạnh)	Tiếng Anh (Dung)
	2	Lịch Sử (Hương)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Huyền)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	Tiếng Anh (Trang)	Hóa Học (Nga)	Toán (Mạnh)	Địa Lí (Thảo)
	3	Vật Lý (Dũng)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Thảo)	Tiếng Anh (Trang)	GDQP (Hiếu)	Địa Lí (Vĩnh)	Sinh Học (Đức)	Lịch Sử (Hương)	Lịch Sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	4	Vật Lý (Dũng)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Thảo)	GDQP (Hiếu)			Sinh Học (Đức)	Sinh Học (Ngát)	Lịch Sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	5										

Sáng thực hiện từ 7h15; Chiều thực hiện từ 14h00
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tập

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1								Ngữ Văn (Huyền)	GDTC (Nha)	GDTC (Tâm)
	2							GDTC (Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Toán (Phượng)
	3						GDTC (Tâm)		GDTC (Nha)	Toán (Mạnh)	Toán (Phượng)
	4										
	5										
Thứ 3	1	GDTC (Tâm)	GDQP (Hiếu)		HĐTN						
	2		GDTC (Tâm)	GDQP (Hiếu)							
	3	GDQP (Hiếu)		GDTC (Tâm)							
	4										
	5										
Thứ 4	1				GDTC (Tâm)	GDQP (Hiếu)			HĐTN		
	2					GDTC (Tâm)	GDQP (Hiếu)				
	3				GDQP (Hiếu)		GDTC (Tâm)				
	4										
	5										
Thứ 5	1	HĐTN						GDQP (Hiếu)	GDTC (Nha)	Ngữ Văn (Quân)	GDTC (Tâm)
	2	HĐTN							Toán (Phượng)	Ngữ Văn (Quân)	GDTC (Tâm)
	3	HĐTDN						GDTC (Tâm)	Toán (Phượng)	GDTC (Nha)	GDQP (Hiếu)
	4					GDTC (Tâm)					
	5										
Thứ 6	1	GDTC (Tâm)	HĐTN								
	2		GDTC (Tâm)								
	3		HĐTN	GDTC (Tâm)							
	4		HĐTN		GDTC (Tâm)						
	5										
Thứ 7	1			HĐTN							
	2			HĐTN							
	3			HĐTN							
	4										
	5										